

Bản án số: 33/2024/DS- ST
Ngày 24/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung.

Ông Trương Thanh Cường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST- DS ngày 29/12/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 43 ngày 24/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Văn X, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Quan hệ giữa bà L và vợ chồng bà Đặng Thị Đ không có quan hệ họ hàng gì, bà L làm nghề kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi từ năm 2014. Bà L có bán cám chăn nuôi lợn cho bà Đ và ông X nhiều lần và hai bên đã thanh toán cho nhau sòng phẳng, năm 2023 bà Đ tiếp tục mua cám của bà L và còn nợ bà L số tiền 31.750.000 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 26/6/2023 bà Đ đã trả được 10.000.000

đồng và còn nợ 21.750.000 đồng (Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này bà L đã đòi nhiều lần nhưng bà Đ và ông X không trả. Nay bà L yêu cầu bà Đ và ông X phải trả số tiền trên và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Đặng Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn X: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Đ và ông X không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải trả số tiền 21.750.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xử căn cứ vào khoản 3 Đ 26, điểm a khoản 1 Đ 35, điểm a khoản 1 Đ 39, khoản 2 Đ 227, khoản 1, khoản 3 Đ 228, Đ 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các Đ 288, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Đ 27, khoản 1 Đ 30 và khoản 2 Đ 37 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ vào khoản 2 Đ 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc vợ chồng bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 21.750.000 đồng.

Án phí: Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải chịu 1.087.500 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại bà Nguyễn Thị L số tiền 540.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Đặng Thị Đ có địa chỉ tại: Thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Đ 26, điểm a khoản 1 Đ 35; điểm a khoản 1 Đ 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Đ 227, khoản 3 Đ 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ, ông X.

[3] Nội dung vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu do nguyên đơn nộp thể hiện bà Đặng Thị Đ có nợ bà Nguyễn Thị L số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi với số tiền là 21.750.000 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), mặc dù hai bên không lập hợp đồng mua bán, nhưng bà Đặng Thị Đ có ký nhận nợ với bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Đ và ông X đều vắng mặt, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi 21.750.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Mặt khác bà Đ mua thức ăn chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình, giữa bà Đ và ông X là vợ chồng, nên cần buộc ông X phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với bà Đ là phù hợp với quy định tại các Đ 27, khoản 1 Đ 30 và khoản 2 Đ 37 Luật Hôn nhân gia đình.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận, nên bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật, cụ thể: 21.750.000 đồng x 5% = 1.087.500 đồng.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị L số tiền 540.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Đ 26, điểm a khoản 1 Đ 35, điểm a khoản 1 Đ 39, khoản 2 Đ 227, khoản 1, khoản 3 Đ 228, Đ 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các Đ 288, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Đ 27, khoản 1 Đ 30 và khoản 2 Đ 37 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ vào khoản 2 Đ 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 21.750.000 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đ 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Đ và ông Trương Văn X phải chịu 1.087.500 đồng (*Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị Tiến số tiền 540.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008010 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a, 7b và Đ 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp

